

Số: ~~2479~~/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp
Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 và Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần; Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-TTG ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của UBND Thành phố về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt phương án sử dụng các cơ sở nhà, đất sau cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội;

Xét đề nghị của Sở Tài chính (Thường trực Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Thành phố) tại Tờ trình số 2463/TTr-STC ngày 24/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại thời điểm 0 giờ ngày 01/7/2016 với các nội dung sau:

1. Giá trị thực tế doanh nghiệp và giá trị thực tế vốn nhà nước:

1.1. Giá trị thực tế doanh nghiệp:

- Giá trị doanh nghiệp theo sổ sách kế toán: 3.557.021.335.048 đồng.
- Giá trị doanh nghiệp xác định lại: 4.043.213.461.455 đồng.

1.2. Giá trị thực tế vốn nhà nước:

- Giá trị vốn nhà nước theo sổ sách kế toán: 1.748.919.461.710 đồng.
- Giá trị vốn nhà nước xác định lại: 2.155.699.724.707 đồng.

2. Về xử lý tài chính:

2.1. Không xác định giá trị tài sản trên đất vào giá trị doanh nghiệp tại 61 địa điểm nhà, đất thu hồi, giao Trung tâm Phát triển quỹ đất Hà Nội - Sở Tài nguyên và Môi trường theo Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt phương án sử dụng các cơ sở nhà, đất sau cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội (gồm: 27 cơ sở nhà, đất thuê của Nhà nước; 34 cơ sở nhà trên đất là tài sản doanh nghiệp, đất thuê của Nhà nước trả tiền thuê đất hàng năm):

- Nguyên giá tài sản: 1.307.807.457 đồng.
- Khấu hao lũy kế: 745.632.230 đồng.
- Giá trị còn lại: 562.175.227 đồng.

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại địa điểm số 349 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng 976.930.646 đồng (gồm các khoản: Thuê đất 930.810.610 đồng; khảo sát đo đạc, xác định chỉ giới, chuẩn bị đầu tư 28.971.910 đồng; photo tài liệu, hồ sơ và chi phí khác liên quan 17.148.126 đồng).

Nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định nêu trên chưa bao gồm giá trị tài sản tại 07 địa điểm Tổng công ty Thương mại Hà Nội chưa nhận bàn giao từ các Công ty thành viên, với nguyên giá tài sản 435.142.721 đồng, khấu hao lũy kế 198.088.075 đồng, giá trị còn lại 237.054.646 đồng.

2.2. Không thu tiền thuê nhà, thuê đất, thuế đất đối với 61 địa điểm nhà, đất tại điểm 2.1 nêu trên:

- Không thu tiền thuê nhà, thuê đất, thuế đất đối với 17 địa điểm Tổng công ty Thương mại Hà Nội đang đóng cửa, không tổ chức kinh doanh chờ bàn giao về Trung tâm Phát triển quỹ đất Hà Nội - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố kể từ ngày Tổng công ty nhận bàn giao từ các công ty thành viên.

- Không thu tiền thuê nhà, thuê đất, thuế đất đối với 16 địa điểm chưa tiếp nhận từ các công ty thành viên từ ngày 01/01/2016.

- Không thu tiền thuê nhà, thuê đất, thuế đất đối với 28 địa điểm từ thời điểm UBND Thành phố có Quyết định công bố giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm).

Tổng công ty Thương mại Hà Nội có trách nhiệm bảo quản tài sản không để xảy ra tranh chấp, lấn chiếm, mất mát đến khi bàn giao về Trung tâm Phát triển quỹ đất Hà Nội - Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Không xác định giá trị tài sản trên đất vào giá trị doanh nghiệp tại 02 địa điểm nhà, đất thu hồi để xử lý theo quy định của pháp luật:

- Địa điểm Ki-ốt Bờ Hồ, quận Hoàn Kiếm: Diện tích nhà chòi 15 m², bàn giao cho UBND quận Hoàn Kiếm quản lý và xử lý theo quy định.

- Địa điểm đất tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm: Diện tích đất 235.000 m², đã triển khai dự án Đầu tư tổ hợp Thương mại Dịch vụ, tổng kho dự trữ, phân phối hàng hóa Hapro theo Quyết định số 6007/QĐ-UBND ngày 05/11/2015 của UBND Thành phố và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 21/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, chưa có quyết định giao đất. Tổng chi phí chuẩn bị đầu tư dự án (chi phí xây dựng cơ bản dở dang) là 2.447.025.454 đồng; giao Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu đề xuất báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định.

2.4. Không xác định giá trị tài sản trên đất vào giá trị doanh nghiệp tại 06 địa điểm nhà, đất nằm trong quy hoạch, giao Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội quản lý theo Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt phương án sử dụng các cơ sở nhà, đất sau cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội (gồm: 01 cơ sở nhà, đất thuê của Nhà nước; 05 cơ sở nhà là tài sản của doanh nghiệp, đất thuê của Nhà nước):

- Nguyên giá tài sản: 1.308.417.122 đồng.
- Khấu hao lũy kế: 974.608.658 đồng.
- Giá trị còn lại của tài sản: 333.808.464 đồng.

2.5. Giảm tài sản cố định đã chuyển giao và phá dỡ:

- Tài sản tại số 98 phố Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm: Nguyên giá tài sản 14.245.925 đồng, khấu hao lũy kế 11.735.692 đồng, giá trị còn lại 2.510.233 đồng, đã chuyển giao theo Quyết định số 5462/QĐ-UBND ngày 09/09/2013 của UBND Thành phố về việc chuyển đổi mục đích sử dụng và bán phần diện tích thuộc sở hữu nhà nước tại tầng 1, số nhà 98 phố Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm cho các thừa kế của ông Nguyễn Văn Ban.

- Tài sản là mái che để xe tại Trung tâm Kinh doanh chợ đầu mối phía Nam, quận Hoàng Mai thuộc Tổng công ty Thương mại Hà Nội: Nguyên giá tài sản 572.305.000 đồng, khấu hao lũy kế 572.305.000 đồng, giá trị còn lại 0 đồng. Năm 2009, Tổng công ty đã thực hiện chủ trương quy hoạch, cải tạo và nâng cấp Trung tâm chợ đầu mối phía Nam dùng để xe vi phạm giao thông, sau đó bị phá dỡ.

2.6. Tài sản không cần dùng, chờ thanh lý bàn giao cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam, bao gồm:

- Tài sản không cần dùng:

+ Máy móc thiết bị: Nguyên giá tài sản 33.639.010.109 đồng, khấu hao lũy kế 8.339.991.718 đồng, giá trị còn lại 25.299.018.391 đồng.

+ Thiết bị quản lý và công cụ, dụng cụ quản lý: Nguyên giá tài sản 2.536.289.873 đồng, khấu hao lũy kế 994.730.210 đồng, giá trị còn lại 1.541.559.663 đồng.

- Tài sản chờ thanh lý:

+ Máy móc thiết bị: Nguyên giá tài sản 1.587.514.570 đồng, khấu hao lũy kế 995.990.121 đồng, giá trị còn lại 591.524.449 đồng.

+ Phương tiện vận tải: 01 ô tô biển số 50Z-4507, nguyên giá tài sản 496.893.898 đồng, khấu hao lũy kế 496.893.898 đồng, giá trị còn lại 0 đồng.

+ Thiết bị quản lý: Nguyên giá tài sản 280.249.119 đồng, khấu hao lũy kế 207.442.170 đồng, giá trị còn lại 72.806.949 đồng.

+ Công cụ, dụng cụ quản lý: Nguyên giá tài sản 1.023.903.238 đồng, khấu hao lũy kế 593.807.539 đồng, giá trị còn lại 430.095.699 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm).

- Tài sản loại ra không tính vào giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội bàn giao về Tổng công ty Thương mại Hà Nội (theo dõi tài khoản ngoài bảng) gồm:

+ Tài sản hư hỏng chờ thanh lý: 02 xe Ô tô Cressida -BKS - 29LD 0397 và Cressida BKS - 29LD 0494 sử dụng năm 2004 đến nay đã hư hỏng không sử dụng được: Nguyên giá tài sản 350.000.000 đồng, khấu hao lũy kế 350.000.000 đồng, giá trị còn lại 0 đồng.

+ Hàng hóa tồn kho ứ đọng không bán được 1.211.395.203 đồng (Dây chuyền sản xuất mỹ ăn liền XBF-III).

Tổng công ty Thương mại Hà Nội có trách nhiệm: Bàn giao tài sản không cần dùng, chờ thanh lý về Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam theo quy định của pháp luật; phối hợp với đơn vị liên quan và ông Hoàng Yên Bình (địa chỉ thường trú tại số 72 phố Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội) giải quyết dứt điểm theo quy định của pháp luật đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R428510, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000348.QSDD/KBHB ngày 16/9/2003 của UBND huyện Kim Bôi, chứng nhận ông Hoàng Yên Bình được quyền sử dụng 2.100 m² đất tại xóm Đồi 2, xã Kim Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình; hoàn thành trước khi chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội sang Công ty cổ phần; nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc đầu tư dây chuyền sản xuất mỹ và các tài sản đầu tư tại các siêu thị không hiệu quả.

2.7. Về nợ phải thu, phải trả:

- Tăng vốn nhà nước: 21.021.604.124 đồng, gồm:

+ Khoản nợ phải thu do đối chiếu xác nhận có chênh lệch tăng là 15.012.130.527 đồng.

+ Khoản nợ phải trả do đối chiếu xác nhận có chênh lệch giảm là 6.009.473.597 đồng.

- Giảm vốn nhà nước: Khoản tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp, phạt chậm nộp tiền thuê đất là 747.626.856 đồng tại các địa điểm đã bị thu hồi từ lâu, nay các Chi cục Thuế thông báo xác nhận vẫn còn phải nộp và tính tiền phạt chậm nộp (tại số 11 phố Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm: Nợ

gốc là 23.620.652 đồng, phạt chậm nộp là 51.240.874 đồng; số 98 Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm: Nợ gốc là 292.687.065 đồng, phạt chậm nộp là 345.581.557 đồng và tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là 845.708 đồng; chợ Mơ, quận Hai Bà Trưng: Tiền thuê đất là 33.651.000 đồng).

Giao Tổng công ty Thương mại Hà Nội có trách nhiệm xử lý và thu hồi nợ theo quy định của pháp luật; đến thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần nếu chưa xử lý, thực hiện bàn giao công ty cổ phần kế thừa và tiếp tục xử lý theo luật định; công khai, minh bạch khi thực hiện bán cổ phần cho nhà đầu tư tham gia mua cổ phần biết và kế thừa.

Riêng đối với nợ phải thu không thu hồi được đã xử lý, hạch toán, theo dõi ngoại bảng: Tổng công ty Thương mại Hà Nội chịu trách nhiệm tổng hợp hồ sơ về các khoản nợ đã xử lý bằng nguồn dự phòng trong vòng 05 năm liền kê trước khi cổ phần hóa và bàn giao cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam theo quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 9 Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

2.8. Các Quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi 29.619.066.282 đồng. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Thương mại Hà Nội phối hợp với Công đoàn Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội xây dựng phương án và quyết định việc phân chia cho người lao động đang làm việc tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo số năm công tác.

- Quỹ thưởng viên chức quản lý 749.298.290 đồng. Tổng công ty Thương mại Hà Nội báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thưởng cho đối tượng theo quy định hiện hành trước thời điểm chuyển doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần.

3. Xác định giá trị tài sản trên đất, giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp các cơ sở nhà, đất Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội sau cổ phần hóa được sử dụng theo Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của UBND Thành phố. Cụ thể:

3.1. Địa điểm nhà, đất tại thành phố Hà Nội: 96 địa điểm, gồm:

3.1.1. Địa điểm nhà, đất thuê thuộc sở hữu nhà nước: 32 địa điểm.

- Không tính giá trị tài sản trên đất và đất thuê vào giá trị doanh nghiệp; phần diện tích Tổng công ty Thương mại Hà Nội xây dựng thêm được xác định vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

- Về thực hiện nghĩa vụ tiền thuê nhà, thuê đất tại 32 địa điểm thuê nhà, thuê đất trả tiền hàng năm (Theo cam kết của Tổng công ty Thương mại Hà Nội tại Công văn số 1821/TCT-BĐT ngày 29/11/2016):

+ Về tiền thuê nhà: Tổng công ty nộp tiền thuê nhà theo thông báo của Công ty TNHH một thành viên và Phát triển nhà Hà Nội đến thời điểm 30/9/2016.

+ Về tiền thuê đất: Đối với địa điểm đã ký hợp đồng thuê nhà, đất và chưa ký hợp đồng thuê nhà, đất theo Quyết định 26/2006/QĐ-UBND ngày 30/10/2008 của UBND Thành phố, Tổng công ty đã hoàn thành nộp tiền thuê đất theo thông báo của Công ty TNHH một thành viên và Phát triển nhà Hà Nội và Chi cục thuế các quận, huyện đến thời điểm ngày 31/12/2016.

Riêng giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (đối với 25 địa điểm ký hợp đồng thuê nhà, đất) và từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2014 (đối với 08 địa điểm chưa ký hợp đồng thuê nhà, đất), Tổng công ty đã tạm nộp tiền thuê đất bằng 2 lần năm 2010 (áp dụng theo Nghị Quyết 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ và Thông tư số 16/2013/TT-BTC ngày 08/02/2013 của Bộ Tài chính).

Tổng công ty Thương mại Hà Nội có trách nhiệm công khai, minh bạch theo quy định cho các nhà đầu tư biết khi tham gia mua cổ phần.

3.1.2. Địa điểm nhà, đất: Nhà là tài sản của doanh nghiệp, đất thuê của nhà nước: 64 địa điểm; cụ thể:

- Địa điểm nhà, đất tại số 11B phố Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, đã tính vào giá trị vốn góp của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi theo Công văn số 755/UBND-KT ngày 05/02/2016 của UBND Thành phố về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Khách sạn Tràng Thi của Tổng công ty Thương mại Hà Nội (Công ty cổ phần kế thừa vốn góp 3.000.000.000 đồng, chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi tại Khoản 4, Điều 1 Quyết định này). Hiện nay, Tổng công ty Thương mại Hà Nội đứng tên thuê đất, chưa hoàn chỉnh hồ sơ thuê đất sang Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi. Tổng công ty Thương mại Hà Nội có trách nhiệm phối hợp với Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi, Sở Tài nguyên và Môi trường và đơn vị liên quan hoàn tất các thủ tục về đất đai, thực hiện dự án đầu tư khách sạn tại số 11B phố Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm theo quy định của pháp luật và Thành phố; trường hợp chưa thực hiện xong các thủ tục về đất đai, Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Tổng công ty Thương mại Hà Nội có trách nhiệm kế thừa và xử lý theo quy định.

- Đối với 63 cơ sở nhà, đất còn lại: Thuê đất trả tiền hàng năm, không xác định giá trị quyền sử dụng đất, thực hiện đánh giá xác định lại giá trị tài sản trên đất vào giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa; cụ thể:

+ Xác định lại giá trị tài sản trên đất vào giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa tại 60 địa điểm có tài sản trên đất.

+ Đối với 02 địa điểm (Điểm đỗ xe Hải Bôi, xã Hải Bôi, huyện Đông Anh; Trung tâm Thương mại Dịch vụ Sóc Sơn, Khu đô thị mới Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn không có tài sản trên đất, không xác định giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa.

+ Địa điểm Khu nhà ở và khu phụ trợ tại xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm: Phần Khu phụ trợ có tài sản trên đất đã tính vào giá trị doanh nghiệp; phần Khu nhà ở Tổng công ty Thương mại Hà Nội đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật, được xác định chi phí đầu tư ở chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn, đã nộp tiền sử dụng

đất một lần và được xác định lại giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa.

* Đối với 03 địa điểm ký hợp đồng hợp tác kinh doanh dài hạn, cho thuê kinh doanh dài hạn đã thu tiền cho cả thời gian thuê: Giao Tổng công ty Thương mại Hà Nội công khai minh bạch theo quy định cho các nhà đầu tư biết khi tham gia mua cổ phần, gồm:

- Địa điểm số 11B phố Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa: Diện tích đất 2.933 m², diện tích xây dựng 1.360 m². Kết cấu nhà: tòa nhà gồm 2 tầng hầm, 15 tầng nổi và 1 tầng mái:

+ Từ tầng 1 đến tầng 5 tòa nhà đã cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội thuê dài hạn hết vòng đời dự án (diện tích sàn cho thuê 6.178,11 m²), Tổng công ty đã thu tiền trước 1 lần và hạch toán doanh thu, trích khấu hao hết một lần cho cả thời gian thuê.

+ Tầng 9 đã cho Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Hà Sơn thuê dài hạn hết vòng đời dự án, Tổng công ty đã thu tiền và hạch toán doanh thu, trích khấu hao hết một lần cho cả thời gian thuê.

+ Tầng 14 đã cho Công ty TNHH Nền tảng kinh doanh Việt thuê dài hạn hết vòng đời dự án, Tổng công ty đã thu tiền và hạch toán doanh thu, trích khấu hao hết một lần cho cả thời gian thuê.

- Địa điểm số 362 Phố Huế, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng: Diện tích đất 618,4 m², diện tích nhà 3.376,0 m². Kết cấu nhà: 7 tầng nổi, 1 tầng hầm. Tổng công ty đã cho Ngân hàng Thương mại cổ phần các doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam thuê toàn bộ tòa nhà, Tổng công ty đã thu tiền trước 27 năm từ năm 2007 đến năm 2033. Doanh thu hạch toán phân bổ dần hàng năm.

- Địa điểm số 5 đường Lê Duẩn, phường Điện Biên, quận Ba Đình: Diện tích đất 1.624 m², đang thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại và dịch vụ tổng hợp, Tổng công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn vàng bạc đá quý Doji, Tổng công ty Thương mại Hà Nội được hưởng như sau:

+ Được quyền sở hữu, khai thác và sử dụng toàn bộ diện tích sàn tầng 4, sàn tầng hầm 1 và sàn tầng hầm 3 của tòa nhà.

+ Được nhận khoản tiền tham gia hợp tác kinh doanh (chưa bao gồm thuế VAT) do Công ty Cổ phần Tập đoàn vàng bạc đá quý Doji thanh toán cho Tổng công ty là 134 tỷ đồng. Số tiền này Tổng công ty đã nhận và hạch toán doanh thu cho cả vòng đời dự án.

Trường hợp dự án được cơ quan có thẩm quyền cho phép điều chỉnh quy mô đầu tư xây dựng, công năng hoặc thiết kế dự án thì quyền lợi của Tổng công ty Thương mại Hà Nội là cố định và không thay đổi do bất kỳ yếu tố nào.

* Đối với 05 địa điểm đang tranh chấp, khiếu kiện và vướng mắc khác: Giao Tổng công ty Thương mại Hà Nội tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật, đến thời điểm chuyên doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần nếu chưa xử lý, Tổng công ty Thương

mại Hà Nội có trách nhiệm bàn giao cho Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội tiếp tục kế thừa và xử lý theo quy định của pháp luật; công khai minh bạch theo quy định cho các nhà đầu tư biết khi tham gia mua cổ phần, gồm:

- Địa điểm số 268 phố Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa: Diện tích đất 56,3 m², diện tích sàn xây dựng 168 m². Kết cấu nhà: 1 tầng trệt, tầng 2 coi nới lợp mái tôn đang bị bà Nguyễn Thị An chiếm dụng 1/2 diện tích từ năm 1998 không trả. Tòa án dân sự quận Đống Đa phán quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 13/2015/QĐST-DS ngày 28/7/2015 trả lại cho Tổng công ty Thương mại Hà Nội. Cơ quan thi hành án đã mời 3 lần để thực hiện thi hành án nhưng bà Nguyễn Thị An không đồng ý. Chi cục thi hành án quận Đống Đa đang lên kế hoạch cưỡng chế.

- Địa điểm số 20 phố Hàm Long, quận Hoàn Kiếm: Diện tích đất 44,3 m², diện tích nhà 44,3 m². Tổng công ty sử dụng diện tích tầng 1, tầng 2 coi nới bằng nhà khung thép mái tôn đang có tranh chấp với bà Nguyễn Thị Bích chiếm dụng không trả. Tổng công ty Thương mại Hà Nội đang tiếp tục làm việc với bà Nguyễn Thị Bích và UBND phường Phan Chu Trinh để thu hồi phần diện tích coi nới tầng 2.

- Địa điểm Trung tâm kinh doanh chợ Thượng Đình, số 132 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân: Diện tích đất 3.108,5 m², Tổng công ty Thương mại Hà Nội ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư xây dựng nhà đất xây dựng dự án Trung tâm thương mại dịch vụ Hapro Thượng Đình, Tổng công ty được hưởng như sau:

+ 12 tỷ đồng tiền lợi nhuận sau thuế ứng trước, Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư xây dựng nhà đất đã chuyển 6 tỷ cho Tổng công ty.

+ Tổng công ty được sở hữu 2.200 m² sàn thương mại (không phải trả chi phí đầu tư) nằm tại tầng 1.

Dự án đang bị tạm dừng do lãnh đạo Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư xây dựng nhà đất là bà Châu Thị Thu Nga đã bị bắt do sai phạm trong triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội. Năm 2015, Tổng công ty đã ký biên bản thỏa thuận với Công ty TNHH Xây dựng và kinh doanh thương mại Hải Âu và Công ty Cổ phần Đầu tư và khoáng sản Hợp Thành về kế thừa Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư xây dựng nhà đất thực hiện dự án Trung tâm Thương mại kết hợp văn phòng và nhà ở chung cư cao tầng; hiện nay, các bên đang làm việc báo cáo Cơ quan cảnh sát điều tra (C46) - Bộ Công an để xem xét, giải quyết.

- Địa điểm số 160 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân: Diện tích đất 860,7 m², diện tích nhà 430,5 m². Hiện trạng khu đất: Dãy nhà 1 tầng mái tôn mặt phố, phía trong có sân trồng. Hồ sơ tính diện tích đất do Công ty địa chính Hà Nội lập tháng 01/2004, Công ty Bách hóa Hà Nội (nay là Công ty Siêu thị Hà Nội thuộc Tổng công ty Thương mại Hà Nội) đang quản lý và sử dụng một phần diện tích đất để kinh doanh, phần còn lại do 04 hộ gia đình là cán bộ công nhân viên của Công ty Bách hóa Hà Nội (đã nghỉ hưu) sử dụng từ năm 1982. Hàng năm, Công ty Siêu thị

Hà Nội nộp tiền thuê đất đầy đủ cho toàn bộ diện tích đất 860,7 m². Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân đang thụ lý vụ án “Đòi nhà cho mượn” của bà Nguyễn Thị Thúy với Tổng công ty Thương mại Hà Nội.

- Địa điểm số 376 phố Khâm Thiên, phường Thổ Quan, quận Đống Đa: Diện tích đất 326,8 m², diện tích nhà 326,8 m². Hiện trạng khu đất: Dãy nhà 1 tầng mái tôn mặt phố. Công ty Bách hóa Hà Nội (nay là Công ty Siêu thị Hà Nội thuộc Tổng công ty Thương mại Hà Nội) sử dụng từ năm 1978 do UBND quận Đống Đa đền bù. Hiện nay, gia đình bà Đỗ Thị Nghê có đơn đòi nhà, đất và cung cấp hồ sơ, cụ thể: Khu nhà đất tại địa chỉ số 376 phố Khâm Thiên gia đình bà Nghê mua từ năm 1954 của Địa ốc ngân hàng Đông Dương. Năm 1964, gia đình bà Nghê đi sơ tán do chiến tranh, chính quyền địa phương đã sử dụng địa điểm 376 phố Khâm Thiên làm hầm trú ẩn. Năm 1978, Công ty Bách hóa Hà Nội đã dỡ bỏ ngôi nhà của gia đình bà xây dựng lên một Cửa hàng Bách hóa.

3.2. Cơ sở nhà, đất tại các tỉnh/thành phố khác: 18 địa điểm.

3.2.1 Đối với tài sản trên đất:

- Đánh giá xác định lại giá trị tài sản trên đất vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại 12 địa điểm có tài sản trên đất (tỉnh Hưng Yên 01 địa điểm, tỉnh Quảng Nam 04 địa điểm, tỉnh Đồng Tháp 03 địa điểm, tỉnh Bình Dương 03 địa điểm, Thành phố Hồ Chí Minh 01 địa điểm).

- Đối với 06 địa điểm không có tài sản trên đất không xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (tỉnh Đồng Tháp 01 địa điểm, tỉnh Gia lai 05 địa điểm).

3.2.2. Đối với giá trị quyền sử dụng đất:

- Đánh giá xác định lại giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại 14 địa điểm đã nộp tiền sử dụng đất một lần (tỉnh Quảng Nam 04 địa điểm, tỉnh Đồng Tháp 04 địa điểm, tỉnh Gia Lai 05 địa điểm, Thành phố Hồ Chí Minh 01 địa điểm).

- Đối với 04 địa điểm trả tiền thuê đất hàng năm không đánh giá giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (tỉnh Hưng Yên 01 địa điểm, tỉnh Bình Dương 03 địa điểm).

Giao Tổng công ty Thương mại Hà Nội có trách nhiệm công khai cáo bạch thông tin cho các nhà đầu tư biết khi tham gia mua cổ phần.

Nếu bỏ sót tài sản, địa điểm cơ sở nhà đất không đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người liên quan Tổng công ty chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

3.3. Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội có trách nhiệm:

- Liên hệ Sở Xây dựng và Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội ký hợp đồng thuê nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước tại Điểm 3.1.1 Khoản 3 Điều 1 theo quy định của pháp luật.

- Liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện thủ tục ký hợp đồng thuê đất tại Điểm 3.1.2 Khoản 3 Điều 1 theo quy định của pháp luật.

- Đối với các địa điểm tại các tỉnh/thành phố khác nêu tại Điểm 3.2 Khoản 3 Điều 1: Công ty cổ phần có trách nhiệm thực hiện thuê đất theo quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần có trách nhiệm kế thừa và thực hiện mọi nghĩa vụ về quản lý, sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Đối với các cơ sở nhà, đất của thành phố Hà Nội, việc chuyển nhượng, chuyển đổi, cho thuê, thay đổi mục đích sử dụng đất phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố. Công ty cổ phần có trách nhiệm sử dụng đất đúng mục đích ghi trong hợp đồng, nếu sử dụng đất sai mục đích, không hiệu quả, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội sẽ thu hồi theo quy định hiện hành của Luật Đất đai.

4. Xác định vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại 41 doanh nghiệp:

- Tổng số vốn đầu tư theo sổ sách là 529.539.439.824 đồng.
- Tổng số vốn đầu tư xác định lại là 543.838.490.450 đồng.
- Chênh lệch xác định lại tăng so với sổ sách kế toán được ghi tăng vốn nhà nước là 14.299.050.626 đồng.

4.1. Đối với các công ty cổ phần thực hiện chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước năm 2014 - 2015 và các công ty cổ phần khác có vốn góp của Tổng công ty Thương mại Hà Nội tham gia chưa thực hiện đăng ký giao dịch và niêm yết theo quy định của pháp luật, do đó không có giá giao dịch cổ phần để xác định phải thực hiện xác định theo Khoản 1 Điều 33 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ. Tổng công ty Thương mại Hà Nội có trách nhiệm chỉ đạo người đại diện vốn nhà nước tại Công ty cổ phần, phối hợp và đôn đốc doanh nghiệp hoàn tất việc thực hiện đăng ký giao dịch và niêm yết theo quy định trước thời điểm chuyển doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần để thực hiện đánh giá lại các khoản đầu tư đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 10 Thông tư 127/2013/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính. Công khai cho các nhà đầu tư khi thực hiện bán cổ phần lần đầu.

4.2. Đối với số vốn đầu tư xác định lại giảm so với sổ sách, giao Tổng công ty Thương mại Hà Nội chỉ đạo người đại diện quản lý vốn nhà nước tại các Công ty cổ phần giải trình làm rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan và trách nhiệm (nếu có) trong việc quản lý vốn tại các Công ty cổ phần bị lỗ mất vốn nhà nước, báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

4.3. Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội có trách nhiệm kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ tại các Công ty cổ phần, Công ty TNHH (41 khoản đầu tư tài chính đã được xác định trong giá trị doanh nghiệp) kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp.

(Chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm).

Điều 2. Căn cứ vào giá trị doanh nghiệp được xác định tại Điều 1, Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội chỉ đạo Tổ giúp việc và doanh nghiệp xây dựng phương án cổ phần hóa, báo cáo UBND

Thành phố trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ.

Điều 3 . Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Thành phố; Đảng uỷ khối Doanh nghiệp Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Lao động Thương binh và Xã hội, Quy hoạch Kiến trúc; Công Thương; Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội; Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Thương mại Hà Nội; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *Suy*

- Như Điều 3;
- VP Chính Phủ (Ban Chỉ đạo ĐM & PTDN);
- Bộ Tài chính;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT UBND TP Nguyễn Doãn Toàn;
- VPUB: PCVP T.V.Dũng, TKBT, KT;
- Chi cục TCDN Hà Nội;
- Lưu VT, KT(Dự). *BK*

15449-25

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *cc*

KT. CHỦ TỊCH *cc*

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Doãn Toàn

**KHÔNG THU TIỀN THUÊ NHÀ, THUÊ ĐẤT, THUẾ ĐẤT CÁC CƠ SỞ
NHÀ, ĐẤT THU HỒI, GIAO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
HÀ NỘI – SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Tổng số: 61 địa điểm.

*(Kèm theo Quyết định số ~~2479~~ /QĐ-UBND ngày 28/4/2017
của UBND thành phố Hà Nội)*

**I. Không thu tiền thuê nhà, thuê đất, thuế đất đối với 17 địa điểm
Tổng công ty Thương mại Hà Nội đóng cửa, không tổ chức kinh doanh chờ
bàn giao về thành phố kể từ ngày Tổng công ty Thương mại Hà Nội nhận
bàn giao từ các Công ty thành viên bao gồm:**

1. Cơ sở nhà, đất thuê của Nhà nước là 07 địa điểm, gồm:

- 1.1. Số 104 Hàng Gai, phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm.
- 1.2. Số 102 Nguyễn Hữu Huân, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm.
- 1.3. Số 84 Trần Nhật Duật, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm.
- 1.4. Số 64 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình.
- 1.5. Số 476 Bạch Mai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng.
- 1.6. Số 2 Ngõ 61 Lê Văn Hưu, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng.
- 1.7. Số 1 Nguyễn Trường Tộ, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình.

2. Cơ sở nhà, đất: Nhà là tài sản của doanh nghiệp, đất thuê của Nhà nước là 10 địa điểm, gồm:

- 2.1. Số 25 Hàng Thùng, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm.
- 2.2. Số 214 Hàng Bông, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm.
- 2.3. Số 199 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng.
- 2.4. Số 16 Hàm Tử Quan, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm.
- 2.5. Số 142 Hàng Bông, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm.
- 2.6. Số 4 ngõ 173 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Đống Đa.
- 2.7. Số 76 Lò Đúc, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng.
- 2.8. Số 2 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình.
- 2.9. Số 12 Phan Phù Tiên, phường Cát Linh, quận Đống Đa.
- 2.10. Cửa hàng Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai.

II. Không thu tiền thuê nhà, thuê đất, thuế đất kể từ ngày 01/01/2016 đối với 16 địa điểm chưa tiếp nhận từ các công ty thành viên bao gồm:

1. Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng thi: 02 địa điểm, gồm:

1.1. Số 29 Hàng Đậu, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm.

1.2. Số 38 Hàng Đậu, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm.

2. Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội: 14 địa điểm, gồm:

2.1. Số 8B Hàng Thùng, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm.

2.2. Số 107F Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa.

2.3. Số 85 Hàng Buồm, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm.

2.4. Số 30 Phố Huế, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm.

2.5. Số 18 Nguyễn Văn Tố, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm.

2.6. Số 41 Hàng Bò, phường Hàng Bò, quận Hoàn Kiếm.

2.7. Số 20 Hàng Vải, phường Hàng Bò, quận Hoàn Kiếm.

2.8. Số 111-112 C1 Trung Tự, phường Trung Tự, quận Đống Đa.

2.9. Số 132 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân.

2.10. Số 25 Quán Thánh, phường Quán Thánh, quận Ba Đình.

2.11. Số 5B Nguyễn Thiện Thuật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm.

2.12. Số 33 Ngô Thọ Quan, phường Thọ Quan, quận Đống Đa.

2.13. Số 85 Trần Xuân Soạn, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng.

2.14. Số 70 Thợ Nhuộm, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm.

III. Không thu tiền thuê nhà, thuê đất, thuế đất đối với 28 địa điểm còn lại kể từ thời điểm UBND thành phố có Quyết định công bố giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Hà Nội bao gồm:

1. Địa điểm thuê nhà, thuê đất của Nhà nước là 11 địa điểm, gồm:

1.1. Số 92 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ.

1.2. Số 24 Hàng Bò, phường Hàng Bò, quận Hoàn Kiếm.

1.3. Số 71 Hàng Bò, phường Hàng Bò, quận Hoàn Kiếm.

1.4. Số 57 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân.

1.5. Số 23 Hàng Trống, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm.

1.6. Số 20 Hàng Gai, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm.

1.7. Số 44 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm.

1.8. Số 2 Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm.

1.9. Số 55 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân.

1.10. Số 9 Chợ Gạo, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm.

1.11. Số 284 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng.

2. Địa điểm nhà là tài sản của doanh nghiệp, đất thuê của Nhà nước là 17 địa điểm, gồm:

2.1. Số 7 Hàng Khay, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm.

2.2. Số 80 Hàng Đào, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm.

2.3. Số 217 Hàng Bông, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm.

2.4. Số 7 Thuốc Bắc, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm.

2.5. Số 63 Hàng Giấy, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm.

2.6. Số 21 Hàng Trống, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm.

2.7. Số 33 Hàng Trống, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm.

2.8. Số 20 Hàng Đào, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm.

2.9. Số 45 Mã Mây, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm.

2.10. Số 349 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng.

2.11. Số 68 Tạ Quang Bửu, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng.

2.12. Số H2 Kim Giang, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân.

2.13. Số 107 Nguyễn Lương Bằng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa.

2.14. Số 128 Đại La, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng.

2.15. Ngõ Chợ Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa.

2.16. Số A9 Văn Chương, phường Văn Chương, quận Đống Đa.

2.17. Số 151 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa.

**TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG, CHỜ THANH LÝ
BÀN GIAO CHO CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM**

(Kèm theo Quyết định số 2479 /QĐ-UBND ngày 28 / 4 /2017 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
A	Tài sản không cần dùng			36.175.299.982	9.334.721.928	26.840.578.054
I	Máy móc thiết bị			33.639.010.109	8.339.991.718	25.299.018.391
1	Tủ trưng bày thực phẩm CKE4SCGM	1	Cái	51.600.000	51.600.000	-
2	Tủ trưng bày thực phẩm CKE4SCGM	1	Cái	51.600.000	51.600.000	-
3	Tủ trưng bày bảo quản QL TP Modee ZK0.3L	3	Cái	212.070.000	84.828.000	127.242.000
4	Dây chuyền Nhà máy mỳ			28.198.878.779	6.833.703.645	21.365.175.134
	<i>Dây chuyền sản xuất mỳ ăn liền</i>	<i>1</i>	<i>Dây chuyền</i>	<i>13.930.410.092</i>	<i>3.579.366.395</i>	<i>10.351.043.697</i>
	<i>Hệ thống băng tải ống khói</i>	<i>1</i>	<i>Hệ thống đồng bộ</i>	<i>180.866.746</i>	<i>54.561.937</i>	<i>126.304.809</i>
	<i>Hệ thống làm mềm nước đồng bộ</i>	<i>1</i>	<i>Hệ thống đồng bộ</i>	<i>174.993.467</i>	<i>52.789.819</i>	<i>122.203.648</i>
	<i>Hệ thống phòng cháy chữa cháy</i>	<i>1</i>	<i>Hệ thống đồng bộ</i>	<i>109.319.939</i>	<i>31.090.353</i>	<i>78.229.586</i>
	<i>Máy nén khí</i>	<i>1</i>	<i>Máy</i>	<i>332.897.952</i>	<i>83.695.691</i>	<i>249.202.261</i>
	<i>Máy trộn gia vị</i>	<i>1</i>	<i>Máy</i>	<i>410.959.563</i>	<i>158.979.240</i>	<i>251.980.323</i>
	<i>Máy đóng gói gia vị</i>	<i>1</i>	<i>Hệ thống đồng bộ</i>	<i>652.897.064</i>	<i>252.653.035</i>	<i>400.244.029</i>
	<i>Nồi hơi</i>	<i>1</i>	<i>Nồi hơi</i>	<i>3.101.614.720</i>	<i>640.575.031</i>	<i>2.461.039.689</i>
	<i>Hệ thống dẫn khí nén</i>	<i>1</i>	<i>Hệ thống đồng bộ</i>	<i>70.190.476</i>	<i>25.269.651</i>	<i>44.920.825</i>
	<i>Hệ thống cấp hơi gia nhiệt dầu cọ</i>	<i>1</i>	<i>Hệ thống đồng bộ</i>	<i>1.024.441.891</i>	<i>368.814.822</i>	<i>655.627.069</i>
	<i>Nồi hơi chạy than</i>	<i>1</i>	<i>Cái</i>	<i>1.033.727.272</i>	<i>239.342.602</i>	<i>794.384.670</i>
	<i>Thiết bị thí nghiệm</i>	<i>1</i>	<i>Hệ thống đồng bộ</i>	<i>168.580.665</i>	<i>112.386.363</i>	<i>56.194.302</i>
	<i>Tủ bù điện</i>	<i>1</i>	<i>Hệ thống đồng bộ</i>	<i>97.322.654</i>	<i>29.359.253</i>	<i>67.963.401</i>
	<i>Điều hoà không khí 2 cục 1 chiều</i>	<i>2</i>	<i>Máy</i>	<i>104.351.618</i>	<i>60.181.220</i>	<i>44.170.398</i>
	<i>Dây chuyền sản xuất cháo ăn liền</i>	<i>1</i>	<i>Dây chuyền</i>	<i>500.000.000</i>	<i>147.748.457</i>	<i>352.251.543</i>
	<i>Máy đóng gói gia vị</i>	<i>1</i>	<i>Máy</i>	<i>124.000.000</i>	<i>26.298.529</i>	<i>97.701.471</i>

	Máy đóng gói xa tế	1	Máy	130.000.000	27.571.038	102.428.962
	Dây chuyền sản xuất mì sợi rối	1	Dây chuyền	3.742.640.865	377.587.617	3.365.053.248
	Hệ thống bồn chứa dầu shortning	1	Hệ thống đồng bộ	145.454.545	28.159.066	117.295.479
	Máy sang cuộn	1	Máy	55.400.000	19.452.647	35.947.353
	Chi phí nâng cấp dây chuyền chính			1.617.400.000	236.683.233	1.380.716.767
	Công nghệ mì ăn liền			350.000.000	244.519.624	105.480.376
	Chứng chỉ ISO			141.409.250	36.618.022	104.791.228
5	Quầy tủ lạnh đặt nằm ZKO.3L	1	Chiếc	70.690.000	15.292.705	55.397.295
6	Hệ dương (VY Plaza)	1	Hệ tủ	1.144.631.160	-	1.144.631.160
7	Hệ âm (VY Plaza)	1	Hệ tủ	1.411.630.022	-	1.411.630.022
8	Tủ dương bonnet block liền (ONWAVE)	1	Chiếc	117.983.534	55.608.851	62.374.683
9	Điều hòa Carrier	3	Bộ	91.912.500	56.722.387	35.190.113
10	Điều hòa Carrier-HCQT	1	Bộ	105.950.143	20.286.578	85.663.565
11	Điều hòa nhiệt độ	5	Bộ	503.841.570	267.072.789	236.768.781
12	Điều hòa không khí Carrier- trane	4	Bộ	127.009.093	84.672.707	42.336.386
13	Điều hòa không khí Carrier- trane	1	Hệ thống	13.078.445	8.582.637	4.495.808
14	Quầy tủ lạnh nằm ZKO.3L (Tủ Alaska SD 7Y)	1	Chiếc	70.690.000	20.146.642	50.543.358
15	Điều hòa 24000BTU	1	Bộ	31.923.000	31.923.000	-
16	Máy Bảo quản thực phẩm	1	Bộ	38.360.840	38.360.840	-
17	Tủ giữ lạnh 3 kính	1	Chiếc	47.101.200	19.465.095	27.636.105
18	Tủ mát 3 cánh trung bày Carrier 2DC-C120	1	Chiếc	35.760.000	12.701.614	23.058.386
19	Tủ giữ lạnh 4 kính	1	Chiếc	67.034.200	48.739.440	18.294.760
20	Tủ bảo quản bánh OP-D603E	1	Chiếc	80.000.000	4.550.000	75.450.000
22	Tủ mát hiệu Carrier 3 cánh kính Model 3DC C180	1	Chiếc	47.440.000	13.035.026	34.404.974
24	Điều hoà	2	Bộ	86.088.885	86.088.885	-
25	Tủ bảo quản thực phẩm âm Bonet 3.75m	1	Chiếc	93.749.000	93.749.000	-
27	Thiết bị Inox khu bếp 135	1	Hệ thống	68.960.000	11.110.247	57.849.753
29	Kho lạnh -C13 Thành Công	1	kho lạnh	290.677.237	210.862.046	79.815.191
30	Kho lạnh-Tự Liệt	1	kho lạnh	464.857.143	183.037.475	281.819.668
31	Kho lạnh	1	kho lạnh	115.493.358	36.252.109	79.241.249

II	Thiết bị quản lý			67.950.250	28.312.602	39.637.648
1	Máy photo Fuji Xerox 3065	1	Cái	67.950.250	28.312.602	39.637.648
III	Công cụ, dụng cụ quản lý			2.468.339.623	966.417.608	1.501.922.015
1	Giá kệ sắt ST đôi đầu 1,2*1,8-VY	29	Bộ	124.962.240	-	124.962.240
2	Giá kệ sắt ST đôi 1,2*1,8-VY- nối tiếp	178	Bộ	660.034.466	-	660.034.466
3	Giá kệ sắt ST đôi 1,0*1,8-VY- kệ đầu	37	Bộ	101.543.645	19.341.639	82.202.006
4	Giá kệ sắt ST đơn 1,2*1,8-VY- kệ đầu	5	Bộ	17.853.840	-	17.853.840
5	Giá kệ sắt ST đơn 1,2*1,8-VY- kệ nối tiếp	27	Bộ	58.582.800	-	58.582.800
6	Bàn tính tiền VY	1	Bộ	4.500.000	-	4.500.000
7	Điều hòa Carrier	1	Bộ	23.750.000	21.440.000	2.310.000
8	Tủ Alaska SD-5Y(Tủ âm)	1	Chiếc	20.498.637	3.727.803	16.770.834
9	Kệ siêu thị đơn 6 tầng (bộ tiếp)	20	Bộ	86.036.000	83.701.824	2.334.176
10	Giá sắt đa năng 4 tầng	10	Bộ	18.317.000	6.222.571	12.094.429
11	Kệ 1.2*2.1	4	Bộ	15.400.000	4.311.986	11.088.014
12	Kệ siêu thị đơn 1800*1200*450	1	Bộ	6.219.000	1.461.462	4.757.538
13	Giá kệ sắt ST đơn 1,2*1,8- bộ đầu - momota	2	Bộ	7.842.200	4.062.209	3.779.991
14	Giá kệ sắt ST đơn 1,2*1,8- bộ nối tiếp- Momota	1	Bộ	10.590.000	8.630.009	1.959.991
15	Kệ sắt đơn ST 0.9*1.8- TL	2	Bộ	2.590.909	1.703.540	887.369
16	Giá kệ sắt Đơn ST 1,5*1,2	1	Bộ	6.125.000	5.022.266	1.102.734
17	Giá kệ sắt Đơn ST 1,5*1,2	2	Bộ	8.259.000	6.596.491	1.662.509
18	Tủ để đồ 18 ngăn-HHT	1	Chiếc	2.456.250	1.587.289	868.961
19	Giá kệ sắt ST đơn 0.9*1.8	6	Bộ	36.950.000	27.365.873	9.584.127
20	Giá kệ sắt St đôi 0.9*1,8-bộ đầu	1	Bộ	2.776.000	560.466	2.215.534
21	Giá kệ sắt St đôi 0.9*1,8-bộ nối tiếp	2	Bộ	16.448.000	12.943.135	3.504.865
22	Giá kệ sắt ST đơn 1,2*1,8-bộ nối tiếp	1	Bộ	2.815.800	821.274	1.994.526
23	Giá kệ sắt ST đơn 1,2*1,8- bộ đầu	1	Bộ	2.498.600	728.757	1.769.843
24	Giá kệ sắt ST đơn 1,2*1,8- nối tiếp	2	Bộ	4.812.000	2.003.246	2.808.754
25	Kệ để hàng áp tường 1.2*1.8	2	Bộ	3.000.000	1.952.657	1.047.343
26	Hệ thống giá kệ siêu thị +lắp đặt +VC	1	Hệ thống	203.981.492	100.024.827	103.956.665
27	Kệ kép 1,2*1,5m	2	Bộ	12.650.000	9.681.858	2.968.142

28	Giá kệ sắt ST đôi 1,2 x 1,5m - Bộ Nối tiếp	10	Bộ	24.570.000	21.247.756	3.322.244
29	Giá kệ sắt đôi ST 1.2*1.8	2	Bộ	20.760.000	18.995.400	1.764.600
30	Làn siêu thị	50	Chiếc	2.050.000	1.025.004	1.024.996
31	Xe nâng tay 2500kg	1	Chiếc	5.136.364	2.962.846	2.173.518
32	Giá inox (lồng hoa quả)	1	Chiếc	11.335.500	10.255.998	1.079.502
33	Giá kệ sắt ST đơn 1,2*2,1	4	Bộ	8.820.000	8.604.400	215.600
34	Giá kệ sắt ST đơn 0,9*1,8	1	Bộ	2.990.000	2.512.012	477.988
35	Giá kệ sắt ST đôi 1,2*1,8	3	Bộ	3.230.000	2.735.085	494.915
36	Giá kệ sắt ST đôi 1.2m *1.8	1	Bộ	2.860.000	2.229.778	630.222
37	Giá kệ sắt ST đơn 1.2*2.1	6	Bộ	21.180.000	8.648.400	12.531.600
38	Giá kệ sắt đôi ST 1.2*1.8	8	Bộ	38.045.454	18.138.942	19.906.512
39	Giá kệ sắt đơn ST 1.2*1.5	3	Chiếc	16.721.181	10.590.081	6.131.100
40	Giá kệ sắt đơn ST 1.2*1.5	3	Chiếc	16.772.727	10.622.733	6.149.994
41	Giá kệ sắt đơn ST 1,2*1,5 (đầu +nối tiếp)	5	Bộ	13.320.000	9.046.496	4.273.504
42	Giá kệ sắt đơn ST 1,2*1.8	3	Bộ	8.928.000	7.847.223	1.080.777
43	Giá kệ sắt đôi ST 1,2*1.5- kệ đầu	7	Bộ	42.600.000	23.421.645	19.178.355
44	Giá kệ sắt đôi ST 1,2*1,8- kệ nối tiếp	9	Bộ	61.370.000	44.650.021	16.719.979
45	Công từ an ninh EG6868	1	Bộ	10.500.000	1.198.119	9.301.881
46	Giá kệ sắt SThi đơn 1.2*2.1- bộ nối tiếp	5	Bộ	7.842.200	4.135.700	3.706.500
47	Giá kệ sắt SThi đơn 1.2*2.1- bộ nối tiếp	2	Bộ	10.590.000	8.496.988	2.093.012
48	Giá kệ sắt SThi đơn 1.2*2.1- bộ nối tiếp	1	Bộ	5.980.000	5.377.988	602.012
49	Giá kệ sắt đôi ST 1,2*1,8- kệ đầu	3	Bộ	27.336.963	22.236.963	5.100.000
50	Giá kệ sắt đôi ST 1,2*1,8- kệ nối tiếp	5	Bộ	45.561.605	40.811.133	4.750.472
51	Giá kệ sắt đơn ST 1,2 *1,8	4	Bộ	17.966.666	13.392.659	4.574.007
52	Giá kệ sắt đơn ST 1,2 *1,8- Bộ nối tiếp	6	Bộ	26.950.000	16.117.500	10.832.500
53	Lồng đựng hoa quả	5	Chiếc	12.500.000	7.487.974	5.012.026
54	Lồng đựng hoa quả	3	Chiếc	5.200.000	4.463.337	736.663
55	Giá kệ sắt đôi ST 1,2*1,8	25	Bộ	116.088.000	82.330.217	33.757.783
56	Quầy thu ngân	2	Bộ	3.200.000	810.251	2.389.749
57	Giá kệ sắt ST đơn 1,2*1,8	1	Bộ	2.860.000	2.180.744	679.256

58	Giá kệ sắt đơn ST 1,2*1,8	4	Bộ	5.920.000	1.835.198	4.084.802
59	Giá kệ sắt ST đơn 1,2*1,8- bộ nối tiếp	6	Bộ	4.214.250	611.061	3.603.189
60	Giá kệ sắt ST ĐƠN 0,9*1,5	4	Bộ	2.339.893	1.369.774	970.119
61	Kệ rau	2	Chiếc	6.000.000	754.800	5.245.200
62	Kệ rau	1	Chiếc	8.700.000	6.101.370	2.598.630
63	Bàn họp CM 3600C	1	Chiếc	7.512.000	2.566.600	4.945.400
64	Kệ rau	1	Chiếc	8.700.000	7.024.074	1.675.926
65	Giá kệ sắt ST đơn 1.8*1.2	2	Bộ	7.842.200	6.963.863	878.337
66	Giá kệ sắt ST đơn 1.8*1.2	2	Bộ	5.070.000	3.211.000	1.859.000
67	Giá kệ sắt ST đơn 1,2*1,8	3	Bộ	3.500.001	1.283.304	2.216.697
68	Xe đẩy hàng	1	Chiếc	13.181.818	11.445.728	1.736.090
69	Giá kệ ST sắt đôi 1,2*1,8	2	Bộ	2.100.000	1.041.828	1.058.172
70	Giá kệ ST sắt đơn 0,9*1,8	2	Bộ	2.120.000	241.472	1.878.528
71	Kệ đơn 1,2*1,8	5	Bộ	4.900.000	90.028	4.809.972
72	Kệ inox ốp cửa kính 0,4*3,6	3	Chiếc	6.120.000	543.288	5.576.712
73	Kệ inox ốp cửa kính 1,4*2,4	2	Chiếc	4.200.000	418.320	3.781.680
74	Kệ inox đầu quầy thu ngân	1	Chiếc	500.000	44.276	455.724
75	Giá kệ sắt St đôi 0.9*1.8-bộ nối tiếp	1	Bộ	1.116.000	288.298	827.702
76	Kệ sắt 0.9*1.8-BK	2	Bộ	9.200.000	6.785.012	2.414.988
77	Giá sắt đa năng 4 tầng bộ đầu	4	Bộ	3.936.000	3.132.399	803.601
78	Giá sắt đa năng 4 tầng bộ nối tiếp	11	Bộ	8.184.000	4.082.753	4.101.247
79	Kệ đơn 1.8 x 1.2	1	Bộ	5.240.000	3.525.537	1.714.463
80	Kệ kép 1.5-0.9	5	Bộ	28.980.000	14.636.215	14.343.785
81	Kệ kép 1.5*0.9	1	Bộ	2.520.000	1.287.034	1.232.966
82	Giá kệ sắt đơn ST 1.2*2.1	1	Bộ	4.523.568	2.902.035	1.621.533
83	Ghế gấp đệm da	21	Chiếc	5.355.000	4.105.500	1.249.500
84	Ụ đảo KM	1	Chiếc	1.800.000	240.822	1.559.178
85	Giá kệ sắt ST đơn 1,2*2,1	2	Bộ	3.380.000	1.916.103	1.463.897
86	Giá kệ sắt ST đơn 1,2*2,1	5	Bộ	7.400.000	990.046	6.409.954
87	Áo đồng phục cộc tay (NĐ)	62	Chiếc	12.764.409	9.887.611	2.876.798

AT

88	Máy in hóa đơn	1	Cái	4.540.000	2.405.272	2.134.728
89	Máy in Bill (cũ)	1	Cái	4.003.750	1.921.815	2.081.935
90	Máy quét mã vạch	1	Cái	5.910.000	2.941.639	2.968.361
91	Xe đẩy hàng	1	Chiếc	1.800.000	648.000	1.152.000
92	Kệ bánh mì bằng sắt	2	Chiếc	19.503.190	4.797.000	14.706.190
93	Máy in HP	1	Chiếc	2.670.000	2.064.570	605.430
94	Kệ rau Hapro	1	Chiếc	2.686.667	1.934.416	752.251
95	Quầy kệ rau	1	Quầy	3.000.000	1.950.000	1.050.000
96	Giá kệ inox ốp tường	1	Bộ	22.947.000	21.391.976	1.555.024
97	Tủ khung nhôm kính 4,8M	1	Chiếc	12.906.000	4.445.400	8.460.600
98	Giá kệ inox thời trang	1	Chiếc	1.800.000	-	1.800.000
99	Điều hòa LG 28k BTU	2	Bộ	86.088.888	47.927.401	38.161.487
100	Giá kệ sắt ST đôi (1.5*0.9*0.9)	12	Bộ	20.088.000	19.115.280	972.720
101	Manocanh	2	Chiếc	3.000.000	1.900.024	1.099.976
102	Tủ dương 2 cánh - Sanyky	1	Chiếc	17.469.450	3.499.872	13.969.578
103	Máy điều hòa không khí hiệu General	1	Chiếc	17.850.000	13.685.019	4.164.981
B	Tài sản chờ thanh lý			3.388.560.825	2.294.133.728	1.094.427.097
I	Máy móc thiết bị			1.587.514.570	995.990.121	591.524.449
1	Tủ dương Bonnet neve L240-BQTP	1	Chiếc	128.754.460	95.359.488	33.394.972
2	Điều hòa	1	Bộ	53.590.862	33.413.636	20.177.226
3	Điều hòa Không khí	1	Bộ	34.875.000	21.506.250	13.368.750
4	Tủ BQTP (dương) Bonnet Proxima L375	1	Chiếc	135.284.183	97.532.016	37.752.167
5	Tủ bảo quản thực phẩm (âm) Bonnet L250 Roller	1	Chiếc	197.465.888	113.036.433	84.429.455
6	Điều hòa Carrier	1	Bộ	30.637.500	18.907.462	11.730.038
7	Điều hoà	2	Bộ	107.181.723	62.281.935	44.899.788
8	Điều hòa không khí Carrier- trane	2	Bộ	63.504.546	42.336.354	21.168.192
9	Tủ dương Bảo quản thực phẩm 37205 Carrier	1	Chiếc	220.680.691	147.811.829	72.868.862
10	Tủ đông kính phẳng	1	Chiếc	41.743.000	15.769.560	25.973.440
11	Tủ dương bonnet block liền (ONWAVE)	1	Chiếc	117.983.534	60.011.380	57.972.154
12	Tủ bảo quản dương thực phẩm AM37205	1	Chiếc	259.176.054	240.221.992	18.954.062

13	Tủ alaska J2190E	2	Chiếc	69.090.910	12.240.000	56.850.910
14	Vận thăng tải hàng 500kg	1	Hệ thống	54.000.000	11.812.500	42.187.500
15	Quầy nóng BQTP 3,75m	1	Chiếc	73.546.219	23.749.286	49.796.933
II	Phương tiện vận tải			496.893.898	496.893.898	0
1	Xe ô tô 7 chỗ Innova, BKS 50Z-4507	1	Chiếc	496.893.898	496.893.898	0
III	Thiết bị quản lý			280.249.119	207.442.170	72.806.949
1	Máy photo kỹ thuật số AR 5631	1	Cái	45.090.909	45.090.909	-
2	Máy photo DocuCentro III 2007	1	Cái	68.850.000	56.514.387	12.335.613
3	Máy vi tính(chủ IBM)	1	Bộ	60.450.000	12.593.752	47.856.248
4	Máy vi tính (Máy chủ 236)-	1	Bộ	46.158.210	37.523.094	8.635.116
5	Máy vi tính (Máy chủ)	1	Bộ	59.700.000	55.720.028	3.979.972
IV	Công cụ, dụng cụ quản lý			1.023.903.238	593.807.539	430.095.699
1	Ghế Inox	10	Cái	1.950.000	1.300.000	650.000
2	Đầu thu VTC	1	Cái	800.000	333.334	466.666
3	Bình gas	1	Bộ	3.912.500	652.083	3.260.417
4	Lưới hứng gạo	1	Tám	980.000	163.333	816.667
5	Bình Thủy Điện	1	Cái	650.000	650.000	0
6	Đầu Kỹ Thuật Số VTC	1	Cái	800.000	800.000	0
7	Điện Thoại Bàn 686a - 01	1	Cái	200.000	200.000	0
8	Điện Thoại bàn 686a - 02	1	Cái	200.000	200.000	0
9	Máy điện thoại Ktel 504	1	Cái	418.182	418.182	0
10	Quạt treo điều khiển TR828	1	Cái	436.364	436.364	0
11	Điều hòa không khí	2	Bộ	20.350.000	15.943.000	4.407.000
12	Điều hòa không khí General 18.000 BTU	1	Bộ	13.580.000	10.413.990	3.166.010
13	Điều hòa Nagakawa	1	Bộ	8.522.727	6.181.332	2.341.395
14	Tủ bảo ôn FUJI 520 Thái Lan	2	Chiếc	11.900.000	10.029.996	1.870.004
15	Tủ mát Sanyky 2 cánh	1	Chiếc	15.880.000	6.947.497	8.932.503
16	Điều hòa	1	Bộ	20.425.000	16.869.781	3.555.219
17	Tủ mát 2 tầng Alaska	1	Chiếc	16.780.000	5.241.284	11.538.716
18	Tủ dương cánh Carrier 3 cánh	1	Chiếc	17.800.000	17.058.321	741.679

19	Điều hòa Panasonic	1	Bộ	12.559.092	7.758.140	4.800.952
20	Tủ đông phẳng Alaska SD 5W	1	Chiếc	16.797.273	8.818.558	7.978.715
21	Cục nóng điều hòa LG 2 cửa	1	Chiếc	28.696.296	18.771.697	9.924.599
22	Tủ đông phẳng Alasca SD 5 W	1	Chiếc	20.498.637	12.178.547	8.320.090
23	Điều hòa	1	Bộ	14.462.000	12.941.979	1.520.021
24	Tủ âm nằm Alasca SD 5 W	1	Chiếc	16.797.273	8.007.268	8.790.005
25	Tủ đông phẳng Alasca SD 5 W	1	Chiếc	18.135.318	8.570.184	9.565.134
26	Tủ đông phẳng Alasca SD 5 W	1	Chiếc	16.727.273	7.937.268	8.790.005
27	Tủ mát 2 cánh Alasca đôi SL 8	1	Chiếc	20.475.000	9.765.000	10.710.000
28	Điều hòa Carier	1	Bộ	14.700.000	6.407.190	8.292.810
29	Tủ đông lạnh Toswam	1	Chiếc	20.909.010	4.203.578	16.705.432
30	Điều hòa SAMSUNG	1	Bộ	28.696.295	14.493.428	14.202.867
31	Điều hòa	1	Bộ	10.100.000	3.250.946	6.849.054
32	Kệ rau	1	Chiếc	1.600.000	528.008	1.071.992
33	Quầy kệ rau	1	Chiếc	6.000.000	3.407.230	2.592.770
34	Bộ quầy thu ngân -nhận từ	1	Bộ	5.175.000	3.312.000	1.863.000
35	Kệ rau bằng sắt	1	Chiếc	3.610.000	3.056.586	553.414
36	Thiết bị an ninh	1	Bộ	30.560.000	2.566.688	27.993.312
37	Cổng an ninh ST	1	Bộ	18.232.500	11.848.122	6.384.378
38	Bàn thu ngân	1	Chiếc	1.800.000	1.080.000	720.000
39	Kệ rau	2	Chiếc	6.000.000	2.400.000	3.600.000
40	Kệ rau	2	Chiếc	7.134.845	5.550.439	1.584.406
41	Máy Fax	1	Chiếc	1.200.000	199.996	1.000.004
42	Xe đẩy hàng	1	Chiếc	7.400.000	6.583.315	816.685
43	Bàn khử từ	1	Chiếc	5.000.000	3.048.336	1.951.664
44	Giá kệ kho đa năng	2	Bộ	1.500.000	770.200	729.800
45	Giá kệ kho đa năng	2	Bộ	1.488.000	936.158	551.842
46	Thùng phiếu MICA	1	Chiếc	1.500.000	1.080.000	420.000
47	Quầy thu ngân	1	Chiếc	4.500.000	2.953.548	1.546.452
48	Ghế sắt dài 3,m	1	Chiếc	3.809.091	2.460.333	1.348.758

49	Tủ gửi đồ	1	Chiếc	4.500.000	2.649.998	1.850.002
50	Bàn thu ngân	1	Chiếc	5.175.000	2.959.176	2.215.824
51	Tủ để đồ	1	Chiếc	3.425.000	2.106.386	1.318.614
52	Quầy kê rau	1	Chiếc	6.000.000	2.580.000	3.420.000
53	Bóng đèn	30	Chiếc	7.802.720	3.238.119	4.564.601
54	Thùng phiếu MICA	1	chiếc	820.100	25.100	795.000
55	Máy chủ	1	Bộ	20.068.750	19.868.750	200.000
56	Máy phát điện ELEMAX 3900	1	Chiếc	14.700.000	11.564.000	3.136.000
57	Máy phát điện nhật Elemax	1	Chiếc	12.857.143	2.912.987	9.944.156
58	Máy phát điện	1	Chiếc	12.333.333	2.204.573	10.128.760
59	Bộ công kiểm soát từ	1	Bộ	15.485.000	2.535.661	12.949.339
60	Quạt đứng 400MS	1	Chiếc	7.036.362	4.951.552	2.084.810
61	Kệ sắt 0.9*1.8	2	Bộ	4.400.000	2.838.010	1.561.990
62	Máy tính lắp ráp	1	Bộ	11.500.000	5.462.490	6.037.510
63	Ghế gấp đệm da	9	Bộ	2.295.000	1.759.500	535.500
64	Máy in HD EPSON TM -T81	1	Chiếc	3.590.000	2.333.497	1.256.503
65	Máy đọc mã vạch	1	Chiếc	3.604.000	2.252.492	1.351.508
66	Máy in hóa đơn	1	Chiếc	4.240.000	1.589.990	2.650.010
67	Bộ máy tính lắp ráp	2	Bộ	13.836.000	12.385.994	1.450.006
68	Bộ máy tính lắp ráp	1	Bộ	10.250.000	7.348.827	2.901.173
69	Loa	1	Bộ	1.353.827	974.757	379.070
70	Máy in hóa đơn	9	Chiếc	38.160.000	36.425.480	1.734.520
71	Tay quét bán hàng	6	Chiếc	24.998.182	7.249.450	17.748.732
72	Tay quét bán hàng	3	Chiếc	14.834.000	6.712.079	8.121.921
73	Tay quét mã vạch	9	Chiếc	15.006.750	11.616.740	3.390.010
74	Dây mạng AMP cat 5	2	mét	1.500.000	499.996	1.000.004
75	Chuột quang MT cổng USB	10	Chiếc	2.380.000	1.586.664	793.336
76	Thiết bị gom dữ liệu	1	Chiếc	12.526.800	12.234.663	292.137
77	Máy in hóa đơn TM 200	1	Chiếc	4.278.182	2.010.779	2.267.403
78	Loa	1	Chiếc	1.353.827	636.319	717.508

79	Máy điều hòa không khí LG VM 3061	2	Bộ	33.475.000	32.545.000	930.000
80	Cửa từ EG 83335F	1	Chiếc	16.254.500	14.040.000	2.214.500
81	Bàn khử từ	1	Chiếc	4.290.000	2.645.472	1.644.528
82	Máy in hóa đơn PRP085	1	Chiếc	5.678.000	3.402.000	2.276.000
83	Máy đọc mã vạch Honey MS 9590	1	Chiếc	7.428.000	4.456.786	2.971.214
84	Hệ thống an ninh	1	Chiếc	73.872.728	32.500.028	41.372.700
85	Máy fax panasonic	1	Chiếc	5.000.000	2.500.016	2.499.984
86	Tem từ cứng kèm ghim	500	Chiếc	4.600.000	2.527.771	2.072.229
87	Máy tính	2	Bộ	16.450.000	5.922.000	10.528.000
88	Loa	1	Chiếc	1.353.827	649.858	703.969
89	Bàn làm việc	2	Chiếc	1.200.000	432.000	768.000
90	Giường gấp	1	Chiếc	850.000	305.972	544.028
91	Máy in HP	1	Cái	1.200.000	576.000	624.000
92	Bộ cổng an ninh	1	Bộ	40.436.206	20.622.441	19.813.765
93	Bộ siêu gỡ tem từ cứng	2	Bộ	18.051.878	9.206.465	8.845.413
94	Tem cứng kèm dây đeo cho chai	243	Chiếc	1.429.704	686.284	743.420
95	Tem cứng kèm dây đeo cho hộp kim	197	Chiếc	886.416	479.984	406.432
96	Bộ thời trang	20	Chiếc	1.444.327	621.024	823.303
97	Giá kính inox bày hàng	1	Chiếc	10.510.000	4.799.772	5.710.228
98	Ghậu rửa inox	1	Chiếc	2.500.000	597.232	1.902.768
99	Máy vi tính	1	Chiếc	10.435.000	8.987.504	1.447.496
100	Manocanh TE	2	Chiếc	4.600.000	3.066.662	1.533.338
	Tổng cộng			39.563.860.808	11.628.855.656	27.935.005.151

**XÁC ĐỊNH VÀO GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ĐỂ CỔ PHẦN HÓA
ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN TẠI 41 DOANH NGHIỆP**
(Kèm theo Quyết định số **2479** /QĐ-UBND ngày **28 / 4 /2017** của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp/ Vốn điều lệ (%)	Vốn đầu tư	Số cổ phần
I	Đầu tư góp vốn tại 31 công ty cổ phần			
1	Công ty cổ phần Thủy Tạ	51,25	15.373.500.000	1.537.350
2	Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi	62,00	19.840.000.000	1.984.000
3	Công ty cổ phần Gốm Chu Đậu	51,00	10.200.000.000	1.020.000
4	Công ty cổ phần Thực phẩm Hà Nội	51,57	74.772.000.000	7.477.200
5	Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi	53,33	72.002.000.000	7.200.200
6	Công ty cổ phần Vang Thăng Long	40,00	10.799.550.000	1.079.955
7	Công ty cổ phần Rượu Hapro	54,58	18.000.000.000	1.800.000
8	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ và Du lịch Thương nhân Hapro	52,50	5.250.000.000	525.000
9	Công ty cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội	31,19	7.736.000.000	773.600
10	Công ty cổ phần đầu tư phát triển hệ thống phân phối Việt Nam	0,17	1.000.000.000	100.000
11	Công ty cổ phần Phát triển Thương mại và Du lịch Hà Nội	40,00	2.400.000.000	240.000
12	Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	42,33	20.000.005.440	2.000.000
13	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Thương mại Hà Nội	33,42	12.225.242.550	1.336.755
14	Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Hapro Đà Nẵng	78,6	15.715.000.000	1.571.500
15	Công ty cổ phần Phát triển siêu thị Hà Nội	83,42	51.381.000.000	5.138.100
16	Công ty cổ phần Sự kiện và Âm thực Hapro	51,00	5.100.000.000	510.000
17	Công ty cổ phần Phân phối Hapro	25,50	2.550.000.000	255.000
18	Công ty cổ phần Thông tin Hapro	26,77	2.677.396.334	267.739
19	Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Long Biên	30,94	3.373.000.000	337.300
20	Công ty cổ phần Sản xuất chế biến Xuất nhập khẩu Điều Hapro Bình Phước	20,00	10.000.000.000	1.000.000

21	Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời Trang Hà Nội	49,03	49.028.000.000	4.902.800
22	Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội	42,375	16.950.000.000	1.695.000
23	Công ty cổ phần Liên Hiệp xuất nhập khẩu và Đầu tư Hà Nội	20,15	40.297.000.000	4.029.700
24	Công ty cổ phần kinh doanh Xuất nhập khẩu An Phú Hưng	40,00	4.000.000.000	400.000
25	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Thương mại COINTRA	10,00	1.000.000.000	100.000
26	Công ty cổ phần Gốm sứ Chu Đậu Hải Dương	4,00	2.000.000.000	200.000
27	Công ty cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Mỹ	6,00	1.200.000.000	120.000
28	Công ty cổ phần Nội thất Sinh thái Hapro	20,00	400.000.000	40.000
29	Công ty cổ phần Ong Mật Hà Nội	20,00	1.000.000.000	100.000
30	Công ty cổ phần Khách sạn Tràng Thi	30	3.000.000.000	300.000
31	Công ty cổ phần siêu thị VHSC (Việt Nam) (1)	35,00	7.085.949.500	642.783
II	Đầu tư góp vốn tại 02 công ty TNHH và 01 công ty liên doanh			
1	Công ty TNHH cao ốc Á Châu (2)	40,00	4.729.950.000	
2	Công ty TNHH đầu tư Thương mại Tràng Tiền	10,00	1.500.000.000	
3	Liên doanh Trung tâm Thương mại Chợ Ngã Tư Sở		5.550.000.000	
III	Đầu tư mua cổ phần tại 07 công ty cổ phần			
1	Công ty cổ phần Thương mại Miền núi Phú Thọ		3.974.926.000	152.881
2	Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN		5.250.000.000	350.000
3	Công ty cổ phần sữa Hà Nội (Hanoi milk)		2.570.000.000	100.000
4	Công ty cổ phần tập đoàn Vinacontrol		2.000.000.000	200.000
5	Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn Cầu		12.533.920.000	741.477
6	Công ty cổ phần Thương mại Lãng Yên		5.025.000.000	200.000
7	Công ty cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam (Vicosimex)		50.000.000	5.000
	Tổng cộng		529.539.439.824	

Ghi chú:

- (1) Vốn góp tại Công ty cổ phần siêu thị VHSC (Việt Nam) là 462.700 USD, qui đổi theo tiền VNĐ để hạch toán trên sổ sách kế toán 7.085.949.500 đồng.
(2) Vốn góp tại Công ty TNHH cao ốc Á Châu là 315.000 USD, qui đổi theo tiền VNĐ để hạch toán trên sổ sách kế toán 4.729.950.000 đồng.